

THÔNG TƯ

Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp

Căn cứ Hiệp định tín dụng Phát triển số 3953 - VN ký giữa Chính phủ Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA) ngày 04/4/2005 về dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp;

Căn cứ Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và IDA ký ngày 04/4/2005 về khoản đồng tài trợ của Quỹ Môi Trường toàn cầu (GEF) số TF 053397 ủy thác qua IDA để thực hiện dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp;

Căn cứ Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và IDA ký ngày 04/4/2005 về khoản đồng tài trợ (Thông qua Quỹ ủy thác đa phương - MTF) của Chính phủ Hà Lan số TF 054523 và Chính phủ Phần Lan số TF 054524 ủy thác qua IDA để thực hiện dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 1/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 4/5/2001 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Quyết định số 332/QĐ-TTg ngày 06/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1067/QĐ/BNN-LN ngày 27/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp;

Sau khi thống nhất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính cho Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp như sau:

MỤC I: NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng: Thông tư này hướng dẫn các vấn đề về quản lý tài chính nhà nước đối với dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp. Có thể các vấn đề về mở tài khoản, lập kế hoạch tài chính, định mức chi tiêu hành chính, các thủ tục rút vốn, kiểm tra, báo cáo, kiểm toán, chính sách thuế áp dụng đối với dự án và quản lý tài sản hình thành từ dự án, và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong vấn đề quản lý tài chính nhà nước đối với dự án.

2. Giải thích từ ngữ: Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) Dự án: Là dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp được phê duyệt tại Quyết định số 332/QĐ-TTg ngày 06/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp.

b) Cơ quan chủ quản dự án: là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như quy định tại Quyết định 332/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

c) Chủ dự án: là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Nhân dân các tỉnh Thừa Thiên Huế, Bình Định, Quảng Nam và Quảng Ngãi, Ngân hàng Chính sách xã hội. Để thực hiện phần dự án liên quan, các Chủ dự án thành lập các ban quản lý dự án như quy định tại các Điều h-m Khoản này.

d) Các Hợp phần phi tín dụng: là các hợp phần của dự án do Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân 4 tỉnh dự án trực tiếp thực hiện để cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động trồng rừng sản xuất trong Dự án.

e) Hợp phần Tín dụng: là một phần thuộc hợp phần 2 của Dự án do Ngân hàng Chính sách Xã hội thực hiện để cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân có nhu cầu vay vốn để phát triển rừng sản xuất trong vùng Dự án, như quy định tại Quyết định 332/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

h) Ban điều phối dự án trung ương: Là đơn vị được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập để điều phối chung hoạt động của dự án, và trực tiếp quản lý

hợp phần phi tín dụng, có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Quyết định thành lập.

i) Ban quản lý Quỹ bảo tồn Việt Nam: Là đơn vị được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập để quản lý dự án hợp phần Quỹ bảo tồn, có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Quyết định thành lập.

k) Ban quản lý dự án hợp phần tín dụng: Là đơn vị được Ngân hàng Chính sách Xã hội thành lập để quản lý dự án phần tín dụng, có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Quyết định thành lập.

l) Ban quản lý dự án (BQLDA) tỉnh (4 tỉnh) do Ủy ban nhân dân các tỉnh trong Dự án thành lập, có quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong các quyết định thành lập.

m) Ban thực hiện dự án huyện và Tổ công tác xã: là các đơn vị thực hiện Dự án được thành lập theo quyết định của Ủy ban nhân dân huyện/Ủy ban nhân dân xã, có chức năng, quyền hạn được quy định tại các quyết định thành lập.

n) Cơ quan kiểm soát chi: là hệ thống Kho bạc nhà nước (KBNN) đối với các hợp phần phi tín dụng, là Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại) đối với hợp phần tín dụng.

o) Vốn đối ứng: là nguồn vốn đóng góp của Chính phủ Việt Nam được bố trí trong dự toán chi NSNN hàng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tỉnh dự án theo phân cấp NSNN hiện hành, và phần vốn đóng góp của Ngân hàng Chính sách Xã hội trong dự án.

p) Ngân hàng vay lại: là Ngân hàng Chính sách Xã hội.

q) Ngân hàng phục vụ: là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

r) (Các) tài khoản đặc biệt: là (các) tài khoản bằng Đô la Mỹ (USD) do Ban điều phối dự án trung ương, Ban quản lý Quỹ bảo tồn, Ban quản lý dự án hợp phần tín dụng mở tại Ngân hàng phục vụ để tiếp nhận vốn tạm ứng từ nguồn vốn vay/viện trợ cho dự án.

s) Ban quản lý dự án được rút vốn nước ngoài: là Ban điều phối dự án trung ương, Ban quản lý Quỹ bảo tồn, Ban quản lý dự án hợp phần tín dụng được uỷ quyền thực

hiện các giao dịch rút vốn vay, viện trợ từ nước ngoài về, và đã giới thiệu chữ ký mẫu với Bộ Tài chính (Vụ Tài chính đối ngoại).

3. Nguyên tắc quản lý:

a) Các nguồn vốn vay, vốn viện trợ tài trợ cho Dự án là nguồn vốn của Ngân sách Nhà nước và được quản lý theo các quy định quản lý vốn Ngân sách nhà nước và các quy định của nhà tài trợ.

b) Hệ thống KBNN nơi cấp phát cho dự án có trách nhiệm thực hiện việc kiểm soát chi, kiểm tra, xác nhận giá trị vốn đủ điều kiện thanh toán/tạm ứng để các đơn vị thực hiện dự án rút vốn nước ngoài, đồng thời cấp phát trực tiếp phần vốn đối ứng cho dự án (trừ hợp phần tín dụng do Ngân hàng vay lại thực hiện).

c) Dự án được bố trí kinh phí từ hai nguồn, vốn trong nước và vốn nước ngoài. Vốn trong nước được bố trí theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Vốn nước ngoài được cấp phát/cho vay lại tới đơn vị thụ hưởng theo các quy định của Thông tư này, phù hợp với các quy định trong nước và của nhà tài trợ.

d) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tỉnh thực hiện dự án và Ngân hàng vay lại có trách nhiệm sử dụng vốn đúng mục đích, đúng nội dung dự án được duyệt và phù hợp với các điều kiện đã cam kết trong các Hiệp định, và các văn bản liên quan kèm theo các Hiệp định.

e) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tỉnh thực hiện dự án và Ngân hàng vay lại có trách nhiệm quản lý, giám sát các tài sản của dự án, của các ban quản lý dự án trực thuộc theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

f) Trong quá trình thực hiện rút vốn vay và viện trợ, Ngân hàng phục vụ được hưởng phí dịch vụ ngân hàng theo quy định hiện hành về thu phí dịch vụ thanh toán qua ngân hàng. Khoản phí dịch vụ nói trên được tính vào tổng chi phí của dự án.

MỤC II: CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Mở tài khoản:

a) Tại Ngân hàng phục vụ

- Ban điều phối dự án trung ương mở 1 Tài khoản đặc biệt để tiếp nhận vốn IDA cho hợp phần phi tín dụng và 1 Tài khoản đặc biệt để tiếp nhận vốn viện trợ theo Hiệp

định TF 054523 cho các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho hợp phần phi tín dụng;

- Ban quản lý Quỹ bảo tồn mở 2 Tài khoản đặc biệt, một cho nguồn vốn viện trợ GEF, một cho nguồn vốn viện trợ theo Hiệp định TF 054524;

- Ngân hàng vay lại mở 1 Tài khoản đặc biệt để tiếp nhận vốn IDA cho hợp phần tín dụng của dự án.

b) Tại KBNN tỉnh, các ban quản lý dự án tỉnh mở Tài khoản cấp phát vốn để tiếp nhận, cấp phát vốn đối ứng và theo dõi việc thanh toán, ứng vốn và hoàn vốn nước ngoài cho dự án tại tỉnh.

c) Các ban quản lý dự án có thể mở các tài khoản tiền gửi tại hệ thống KBNN theo qui định trong nước hiện hành để tiếp nhận vốn thanh toán cho các chi tiêu hợp lệ của ban quản lý dự án.

2. Lập kế hoạch tài chính dự án (không áp dụng đối với hợp phần tín dụng)

a) Kế hoạch tài chính năm được duyệt của dự án (đối với các hợp phần phi tín dụng) là cơ sở cho kiểm soát giải ngân. Nội dung kế hoạch tài chính năm của dự án cần thể hiện chi tiết các công việc sẽ được thực hiện trong năm kế hoạch, nguồn vốn đối ứng, nguồn vốn vay, vốn viện trợ, chi tiết theo quý, theo các hoạt động chính và đơn vị thực hiện của dự án.

b) Việc lập kế hoạch tài chính năm dự án thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2003/TTLT-BKH-BTC ngày 17/3/2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

c) Căn cứ vào dự toán ngân sách năm được Thông báo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Ủy ban nhân dân các tỉnh phân bổ dự toán cho Dự án/phần Dự án thực hiện tại tỉnh chi tiết theo các nội dung nêu tại Điểm a) Khoản này.

d) Sau khi có kế hoạch tài chính năm được duyệt, Ban điều phối dự án trung ương/Ban quản lý Quỹ bảo tồn đăng ký kế hoạch tài chính với Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại) và KBNN nơi kiểm soát chi tiêu của dự án để thẩm tra và làm cơ sở theo dõi, kiểm soát chi, cấp phát vốn; Ban quản lý dự án tỉnh, Ban quản lý dự án khu